TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 584/2025/DS-PT
Ngày: 15 - 9 - 2025
V/v: T/c hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thọ

Ông Nguyễn Hữu Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Dương Thanh Giềng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2025/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2025, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 95/2024/DS-ST ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 - Cần Thơ) bị kháng cáo.

Theo Thông báo về việc mở lại phiên tòa phúc thẩm số: 417/TB-TA ngày 04 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: khu vực A, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (Nay là khu vực Bình Thạnh B, phường B, thành phố Cần Thơ).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Đào T , sinh năm 1980.

2.2 Ông Nguyễn QH, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Khu vực A, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (Nay là khu vực A, phường L, thành phố Cần Thơ).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Đào T hị Thanh Thúy: Luật sư Trương V - Văn phòng Luật sư V, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ: ấp E, thị trấn B, huyện L, tỉnh Hậu Giang (Nay là ấp E, thị trấn B, thành phố Cần Thơ).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trương H, sinh năm 1972.

3.2. Chị Trương Huyền Hân, sinh năm 2003.

Cùng địa chỉ: Khu vực A, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (Nay là khu vực B, phường L, thành phố Cần Thơ).

4. Người kháng cáo:

4.1. Nguyên đơn bà Trần T.

4.2. Bị đơn bà Đào T hị Thanh Thúy.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Trần T trình bày: Do mối quan hệ quen biết, nên nguyên đơn đã cho bị đơn bà Đào T và ông Nguyễn QH mượn số tiền 450.000.000 đồng, bà Đào T có làm biên nhận ngày 15/9/2023 (nhằm ngày 01/8/2023 âm lịch), trong biên nhận không có ông Nguyễn QH ký tên nhưng sau đó chồng của nguyên đơn là ông Trương H có gặp ông QH để đòi khoản nợ nêu trên, ông QH có hứa bán nhà để trả nợ nhưng các bên cũng chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có làm giấy tờ gì. Đồng thời, trong biên nhận không thể hiện thời gian trả nợ cụ thể, bà Đào T chỉ hẹn đúng 15 ngày kể từ ngày lập biên nhận sẽ trả nợ, tuy nhiên, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ. Do đó, nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà Đào T và ông QH trả nợ tổng số tiền gốc là 450.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đào T thì nguyên đơn không đồng ý vì các giao dịch chuyển khoản trước thời điểm ngày 15/9/2023 (nhằm ngày 01/8/2023 âm lịch), trước thời điểm này giữa nguyên đơn và bị đơn bà Đào T có nhiều lần giao dịch hụi với nhau và chuyển tiền thông qua tài khoản.

Bị đơn bà Đào T trình bày: Bị đơn có vay tiền của bà Trần Ttổng cộng 06 lần như sau:

- Lần 1: Vay ngày 25/3/2020 âm lịch (tương ứng ngày 17/4/2020 dương lịch), vay số tiền 100.000.000 đồng, trong biên nhận nợ để là mượn nhưng thật chất là tiền vay, đóng lãi 01 tháng đóng 12 triệu đồng tiền lãi, có làm biên nhận do bà Đào T viết và ký tên, không thỏa thuận thời gian trả nợ cụ thể.

- Lần 2: Vay ngày 28/01/2021 âm lịch (tương ứng ngày 11/3/2021 dương lịch), vay số tiền 100.000.000 đồng, trong biên nhận nợ để là mượn nhưng thật chất là tiền vay, đóng lãi 01 tháng đóng 12 triệu đồng tiền lãi, có làm biên nhận do bà Đào T viết và ký tên, không thỏa thuận thời gian trả nợ cụ thể.

- Lần 3: Vay ngày 17/12/2021 âm lịch (tương ứng ngày 19/01/2022 dương lịch), vay số tiền 100.000.000 đồng, trong biên nhận nợ để là mượn nhưng thật chất là tiền vay, đóng lãi 01 tháng đóng 12 triệu đồng tiền lãi, có làm biên nhận do bà Đào T viết và ký tên, không thỏa thuận thời gian trả nợ cụ thể.

- Lần 4: Vay ngày 29/01/2022 âm lịch (tương ứng ngày 01/3/2022 dương lịch), vay số tiền 50.000.000 đồng, trong biên nhận nợ để là mượn nhưng thật chất là tiền vay, đóng lãi 01 tháng đóng 06 triệu đồng tiền lãi, có làm biên nhận do bà Đào T viết và ký tên, không thỏa thuận thời gian trả nợ cụ thể.

- Lần 5: Vay ngày 06/5/2022 âm lịch (tương ứng ngày 04/6/2022 dương lịch), vay số tiền 50.000.000 đồng, trong biên nhận nợ để là mượn nhưng thật chất là tiền vay, đóng lãi 01 tháng đóng 06 triệu đồng tiền lãi, có làm biên nhận do bà Đào T viết và ký tên, không thỏa thuận thời gian trả nợ cụ thể.

- Lần 6: Vay ngày 20/8/2022 âm lịch (tương ứng ngày 15/9/2022 dương lịch), vay số tiền 50.000.000 đồng, trong biên nhận nợ để là mượn nhưng thật chất là tiền vay, đóng lãi 01 tháng đóng 06 triệu đồng tiền lãi, có làm biên nhận do bà Đào T viết và ký tên, không thỏa thuận thời gian trả nợ cụ thể.

Tổng cộng 06 lần số tiền gốc là 450.000.000 đồng, sau đó bà Đào T không có khả năng trả nợ nên ngày 15/9/2023 (nhằm ngày 01/8/2023 âm lịch) bà Đào T có làm biên nhận nợ cộng tất cả các khoản vay thành 01 biên nhận chung là 450.000.000 đồng. Thực tế, bà Đào T đã trả cho bà Trần Tsố tiền lãi là 1.326.000.000 đồng, trong đó có 673.920.000 đồng trả bằng tiền mặt nhưng không có giấy tờ đã trả và chuyển khoản tiền cho bà Trang.

Theo đơn phản tố ngày 31/10/2023, bà Đào T trình bày đã chuyển khoản cho bà Trần Tthông qua 02 tài khoản do bà Trần Tđứng tên và 01 tài khoản do

con gái bà Trần Tlà Trương H1 đứng tên chủ tài khoản tổng số tiền 652.080.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Đào T xác định đã chuyển khoản trực tiếp cho bà Trần Tsố tiền 611.080.000 đồng, cho Huyền Hân là 41.000.000 đồng, trong vụ án này, bà Đào T chỉ yêu cầu đòi lại số tiền đã chuyển cho bà Trần Tđể được khấu trừ nợ, không yêu cầu đối với số tiền đã chuyển cho chị Trương H1. Như vậy, bị đơn bà Đào T xác định chỉ yêu cầu đòi bà Trần Ttrả số tiền 611.080.000 đồng để khấu trừ vào vốn gốc 450.000.000 đồng, không yêu cầu lấy lại số dư. Đồng thời, tự nguyện trả lãi tổng số tiền là 124.805.601 đồng.

Việc vay mượn nợ do bà Đào T tự giao dịch, thực hiện, không có liên quan đến trách nhiệm của ông QH, sau khi sự việc xảy ra, bà Đào T có đề nghị với ông QH bán nhà để trả nợ cho bà Đào T nhưng ông QH không thống nhất.

Bị đơn ông Nguyễn QH trình bày: Việc vay mượn tiền giữa bà Đào T và bà Trần T thì ông QH hoàn toàn không biết, ông QH không có ký tên vay mượn bà Trần Tbất cứ biên nhận nào, tất cả các khoản vay mượn do bà Đào T tự giao dịch thực hiện, mục đích chi xài cá nhân, ông QH không hay biết việc vay mượn tiền, ông QH cũng không có hứa hẹn với ông Hiền việc bán nhà để trả nợ cho bà Trang. Ông QH không thống nhất cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ với bà Thúy, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Trương H trình bày: Số tiền 450.000.000 đồng mà nguyên đơn bà Trần Tcho bị đơn bà Đào T và ông QH mượn là tài sản riêng của nguyên đơn, không thuộc khối tài sản chung của vợ chồng. Sau khi sự việc mượn tiền xảy ra, ông Hiền có gặp ông QH để đòi khoản nợ nêu trên thì ông QH có hứa sẽ bán nhà để trả nợ nhưng các bên cũng chỉ trao đổi bằng lời nói, không có làm giấy tờ gì. Ông Hiền đề nghị giải quyết vắng mặt trong suốt thời gian giải quyết vụ án.

- Chị Trương H1 trình bày: Trước ngày 15/9/2023, bị đơn bà Đào T có chuyển tiền vào tài khoản chị H1, mục đích chuyển tiền là giao dịch hụi với bà Trần T là mẹ của chị Hân, đối với số tiền đã nhận của bà Đào T thì chị Hân đã chuyển lại toàn bộ cho bà Trang, chị H1 không có thụ hưởng hay chi xài gì liên quan đến số tiền này. Chị H1 đề nghị giải quyết vắng mặt trong suốt thời gian giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 95/2024/DS-ST ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 - Cần Thơ). Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần T về việc yêu cầu bị đơn bà Đào T trả nợ; Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần T về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn QH trả nợ. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đào T đối với nguyên đơn bà Trần T về việc đòi lại tài sản để bù trừ nghĩa vụ.

[2] Buộc bị đơn bà Đào T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Trần T số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Buộc nguyên đơn bà Trần T có nghĩa vụ trả cho bị đơn bà Đào T số tiền 611.080.000 đồng (Sáu trăm mười một triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng).

Bù trừ nghĩa vụ của bị đơn bà Đào T đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần T. Số tiền chênh lệch sau khi bù trừ nghĩa vụ là: 611.080.000 đồng (Sáu trăm mười một triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng) - 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) = 161.080.000 đồng (Một trăm sáu mươi mốt triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng), bà Đào T không yêu cầu bà Trần T trả lại nên không đề cập giải quyết.

Như vậy, bị đơn bà Đào T đã thực hiện xong nghĩa vụ trả số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) đối với nguyên đơn bà Trần T. Nguyên đơn bà Trần T đã thực hiện xong nghĩa vụ trả lại tài sản là số tiền 611.080.000 đồng (Sáu trăm mười một triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng) đối với bị đơn bà Đào T hị Thanh Thúy.

[3] Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đào T về việc bị đơn bà Đào T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Trần T số tiền 124.805.601 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm lẻ năm nghìn, sáu trăm lẻ một đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/10/2024, bà Trần T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà và bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Ngày 25/10/2024, bà Đào T có đơn kháng cáo không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu ông Nguyễn QH liên đới với bà Đào T trả cho bà số tiền nợ vay 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu

đồng), không đồng ý cấn trừ nghĩa vụ trả nợ vì số tiền bị đơn chuyển cho bà là tiền hụi của hai dây hụi.

Bị đơn tại phiên tòa rút yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho rằng do bị đơn tự nguyện rút kháng cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 - Cần Thơ).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm: Về tố tụng, từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo bà Đào T do bà Đào T đã tự nguyện rút yêu cầu kháng cáo; áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 - Cần Thơ), không chấp nhận kháng cáo của bà Trần T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Đào T và ông Nguyễn QH phải trả cho bà số tiền vay 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), tại tòa sơ thẩm bà Đào T thừa nhận có nợ số tiền này của nguyên đơn, ông QH không đồng ý vì không vay số tiền này của nguyên đơn, căn cứ biên nhận nợ ngày 15/9/2023 do nguyên đơn cung cấp thì nội dung không có thỏa thuận thời hạn trả là 15 ngày như nguyên đơn trình bày, cũng như không có chữ ký của ông QH trong biên nhận, cấp sơ thẩm buộc bà Đào T có trách nhiệm trả cho bà Trần Tlà đúng quy định, việc nguyên đơn cho rằng ông QH có hứa với chồng nguyên đơn là ông Hiền sẽ bán nhà trả nợ, nhưng không có căn cứ chứng cứ gì chứng minh, mặc khác nguyên đơn cho rằng có kêu ông QH bán nhà trả nợ cho bị đơn, tuy nhiên những lời hứa hẹn này không phải là nghĩa vụ ràng buộc trả nợ đối với ông QH, do vậy xét kháng cáo này của nguyên đơn là không có căn cứ.

[2] Đối với yêu cầu bị đơn trả 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) và bác phản tố của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn cung cấp 6 biên nhận nợ từ năm 2020 đến 2022 với số tiền cộng lại là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), tuy nhiên 6 biên nhận này nguyên đơn không thừa nhận, và biên nhận ngày 15/9/2023 với số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), tất cả các biên nhận này đều do bị đơn viết và không có chữ ký của bên cho vay. Quá trình vay mượn bị đơn có chuyển khoản cho nguyên đơn và con của nguyên đơn nhiều lần, qua hai số tài khoản được xác định là của nguyên đơn và con của nguyên đơn, số tiền chuyển khoản tổng cộng là 642.400.000đồng là tiền lãi của 6 biên nhận, qua nhiều năm, nguyên đơn thừa nhận có nhận tổng số tiền này, nhưng cho rằng bị đơn trả nợ hụi, mặc dù qua đối chiếu các lần chuyển khoản có trước khi bị đơn ký biên nhận nợ với nguyên đơn ngày 15/9/2023, tuy nhiên xét thấy nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đây là tiền bị đơn trả nợ hụi, do vậy cấp sơ thẩm chấp nhận phản tố của bị đơn để bù trừ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn cho rằng số tiền nguyên đơn nhận của bị đơn là tiền đóng hụi không phải là tiền trả nợ vay, đồng thời cung cấp 2 sổ hụi mà bị đơn có tham gia, cụ thể: dây hụi bà Đào T hốt ngày 22/01/2023al có 43 phần, bà Đào T hốt lần thứ 1 nên còn lại 42 phần sống, hụi 2.000.000đồng/tháng, như vậy bà Đào T phải đóng hụi chết cho dây hụi này là 84 triệu đồng cho đến khi mãn hụi, dây hụi bà Đào T hốt ngày 14/2/2023al có 43 phần, hụi 2.000.000đồng/tháng, bà Đào T hốt lần thứ 4 nên bà phải đóng hụi chết là 39 lần hụi sống với số tiền 78 triệu đồng, như vậy tổng số tiền bị đơn phải đón hụi chết của hai dây hụi này chỉ có 162.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu đồng), trong khi đó số tiền bị đơn đã chuyển khoản cho nguyên đơn qua sao kê ngân hàng là 642.400.000đồng là không phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến này của nguyên đơn.

[4] Tại phiên tòa bị đơn bà Đào T rút đơn kháng cáo, xét đây là sự tự nguyện của bị đơn không trái quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn.

[5] Từ những nhận định trên, xét kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí dân sự phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 289; Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 166; Điều 436; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần T.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn bà Đào T hị Thanh Thúy.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 95/2024/DS-ST ngày 10/10/2024 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 - Cần Thơ).

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Trần T phải chịu là 300.000 đồng, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008045 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, tỉnh Hậu Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 - Cần Thơ) thành án phí phúc thẩm.

Bị đơn bà Đào T phải chịu là 300.000 đồng, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008066 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, tỉnh Hậu Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 - Cần Thơ) thành án phí phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 15 tháng 9 năm 2025.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Cần Thơ;
- TAND khu vực 12 - Cần Thơ;
- Phòng THADS KV 12- Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Bích Hạnh